

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

NHỮNG HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

ThS. Kiều Anh Vũ

Khoa Lý luận Mác – Lênin

Trường Cán bộ thành phố

1. Lợi nhuận. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

a. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

*** Lợi nhuận**

- Chi phí thực tế để sản xuất ra hàng hoá (giá trị của hàng hoá - G) là chi phí lao động thực tế để sản xuất ra hàng hoá, gồm có lao động quá khứ và lao động sống.

$$G = c + v + m$$

- Chi phí sản xuất TBCN là phần giá trị bù lại giá cả tư liệu sản xuất (c) và sức lao động (v) đã tiêu dùng để tạo ra hàng hoá cho nhà tư bản.

$$k = c + v$$

- Sự khác nhau giữa hai loại chi phí:

- *Về lượng*: chi phí thực tế để sản xuất ra hàng hóa > chi phí sản xuất TBCN ($c+v+m > c+v$)
- *Về chất*: chi phí thực tế để sản xuất ra hàng hoá là chi phí lao động, còn chi phí sản xuất TBCN là chi phí tư bản.

- Lợi nhuận:

+ Lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa giá trị hàng hoá với chi phí tư bản.

Nói cách khác, sau khi bán hàng hoá và bù đắp đầy đủ chi phí tư bản, nhà tư bản thu được một phần lợi ngang bằng giá trị thặng dư gọi là lợi nhuận. Ký hiệu là (p).

Công thức: $p = G - k$

$$\rightarrow p = (c + v + m) - (c + v)$$

$$\rightarrow p = m$$

+ Lợi nhuận là hình thức chuyển hóa của giá trị thặng dư, giá trị thặng dư là nội dung bên trong còn lợi nhuận là hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư ra bên ngoài. Khi (**m**) chuyển hoá thành (**p**) thì:

$$\mathbf{G = c + v + m \text{ chuyển hoá thành } G = k + p.}$$

+ Lợi nhuận được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước. Lợi nhuận đã che dấu quan hệ bóc lột TBCN, xóa nhòa ranh giới giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến, xóa nhòa nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

*** Tỷ suất lợi nhuận và những nhân tố ảnh hưởng**

- *Tỷ suất lợi nhuận*: Là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi nhuận so với chi phí tư bản (ký hiệu: p').

Công thức $p' = \frac{p}{c + v} \times 100\%$ nếu $(p) = (m)$ thì $p' = \frac{m}{c + v} \times 100\%$

- *Tỷ suất lợi nhuận khác tỷ suất giá trị thặng dư cả về chất và lượng*:

Về chất, (m') thể hiện trình độ bóc lột công nhân, còn (p') thể hiện mức sinh lợi của tư bản.

Về lượng, (p') bao giờ cũng nhỏ hơn (m').

- *Các nhân tố ảnh hưởng đến (p')*

1. Tỷ suất giá trị thặng dư (m')
2. Cấu tạo hữu cơ của tư bản (c/v)
3. Tốc độ chu chuyển tư bản

b. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

***/ Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá trị xã hội**

- *Cạnh tranh trong nội bộ ngành* là cạnh tranh giữa các nhà tư bản cùng sản xuất một loại hàng hoá, nhằm giành giật những điều kiện sản xuất và tiêu thụ có lợi nhất. Cạnh tranh nội bộ ngành dẫn tới sự hình thành giá trị xã hội của hàng hóa.

- Giá trị xã hội một mặt phải được coi là giá trị trung bình của những hàng hoá sản xuất trong 1 khu vực sản xuất nào đó; mặt khác, giá trị xã hội phải được coi là giá trị cá biệt của những hàng hoá được sản xuất ra trong điều kiện trung bình và chiếm tỷ trọng lớn nhất của khu vực đó.

****/ Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân, giá cả sản xuất***

- *Cạnh tranh giữa các ngành* là sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản ở các ngành khác nhau nhằm tìm nơi đầu tư có lợi. Kết quả, hình thành lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất.

- *Cơ chế hình thành lợi nhuận bình quân:*

Do cấu tạo hữu cơ và tốc độ chu chuyển tư bản giữa các ngành khác nhau nên tỷ suất lợi nhuận cũng khác nhau, vì thế tư bản có xu hướng di chuyển từ ngành có tỷ suất lợi nhuận thấp sang ngành có tỷ suất lợi nhuận cao. Tình trạng trên chỉ tạm thời dừng lại khi tỷ suất lợi nhuận của các ngành tương đối bằng nhau. Lợi nhuận thu được trong điều kiện đó gọi là lợi nhuận bình quân.

Ví dụ:

Ngành SX	Chi phí TB	M (m':100%)	P'	P' B/quân
Cơ khí	80c+20v	20m	20%	30%
Dệt	70c+30v	30m	30%	30%
Da	60c+40v	40m	40%	30%

- ***Kết luận:***

+ *Lợi nhuận bình quân* là lợi nhuận bằng nhau, của những lượng tư bản như nhau, được đầu tư vào các ngành khác nhau (ký hiệu: P).

+ Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ lệ % giữa lợi nhuận bình quân và chi phí tư bản.

$$\overline{P'} = \overline{P}/K.100\%$$

+ Lợi nhuận bình quân một lần nữa che dấu bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản (nó làm người ta hiểu rằng tư bản tạo ra lợi nhuận: $K \rightarrow P$).

+ Lợi nhuận bình quân vừa phản ánh mâu thuẫn giữa các nhà tư bản vừa phản ánh sự thoả hiệp cùng bóc lột giai cấp công nhân của họ.

+ Với sự hình thành lợi nhuận bình quân, giá trị hàng hoá sẽ chuyển hoá thành giá cả sản xuất.

$$G = c + v + m \quad \rightarrow \quad G_{CSX} = K + \overline{P}$$

+ Khi hình thành giá cả sản xuất, giá cả hàng hóa bán trên thị trường xoay quanh giá cả sản xuất.

2. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

a. Tư bản thương nghiệp

- *Tư bản thương nghiệp* là tư bản hoạt động trong lĩnh vực lưu thông.

- *Tư bản thương nghiệp trong chủ nghĩa tư bản* là một bộ phận của tư bản xã hội, chuyên đảm nhiệm việc lưu thông hàng hoá TBCN.

- Vai trò của tư bản thương nghiệp trong chủ nghĩa tư bản:

- + Tiết kiệm tư bản trong toàn xã hội, tăng tư bản đầu tư cho sản xuất;
- + Tăng tính chuyên môn hoá trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

b. Lợi nhuận thương nghiệp

- *Lợi nhuận thương nghiệp* chính là 1 bộ phận giá trị thặng dư do công nhân công nghiệp tạo ra, được nhà tư bản công nghiệp “nhường” cho nhà tư bản thương nghiệp, để thay nhà tư bản công nghiệp thực hiện lưu thông hàng hoá.

- Tư bản thương nghiệp cũng tham gia vào quá trình bình quân hoá lợi nhuận và làm cho tỷ suất lợi nhuận bình quân giảm xuống.

c. Chi phí lưu thông và lao động thương nghiệp

- Chi phí lưu thông

+ *Chi phí tiếp tục quá trình sản xuất trong lưu thông*

Là chi phí bảo tồn và di chuyển giá trị sử dụng của hàng hoá như chi phí bảo quản, đóng gói, phân loại, vận chuyển ... Những chi phí này được tính vào giá trị hàng hoá như chi phí sản xuất.

+ *Chi phí lưu thông thuần túy*

Là chi phí đơn thuần trong việc mua bán hàng hoá như: chi phí xây dựng cơ sở bán hàng, tiền lương cho nhân viên bán hàng, quảng cáo, sổ sách kế toán, ... Những chi phí này không được tính vào giá trị hàng hoá.

- Lao động thương nghiệp

+ Lao động tiếp tục sản xuất trong quá trình lưu thông

Bộ phận lao động này tạo thêm giá trị cho hàng hoá, do đó họ cũng bị bóc lột giá trị thặng dư.

+ Lao động lưu thông thuần tuý

Lao động của bộ phận này không tạo ra giá trị và giá trị thặng dư, tuy nhiên họ vẫn bị bóc lột. Ngày lao động của họ vẫn được chia làm hai phần, thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư.

3. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay

a. Tư bản cho vay

- *Tư bản cho vay* là tư bản tiền tệ mà người chủ sở hữu nó cho những người khác sử dụng, sau một thời gian nhất định thu hồi về và kèm theo một khoản tiền lời gọi là lợi tức.

- *Đặc điểm của tư bản cho vay:*

+ Quyền sở hữu tách khỏi quyền sử dụng tư bản;

+ Tư bản cho vay là một loại hàng hoá đặc biệt;

+ Tư bản cho vay là loại tư bản được dùng bán nhất.

- *Nguồn gốc của tư bản cho vay là bộ phận tư bản tạm thời nhàn rỗi.*

b. Lợi tức và tỷ suất lợi tức:

- *Lợi tức cho vay*

Lợi tức là cái giá mà nhà tư bản hoạt động phải trả cho người chủ sở hữu tư bản cho vay về quyền tạm thời sử dụng tư bản tiền tệ của người đó (ký hiệu là z).

Thực chất lợi tức là một phần giá trị thặng dư mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay về quyền sử dụng khoản tư bản tiền tệ của người đó trong một thời gian nhất định (Ký hiệu: z).

Lợi tức được quan niệm là cái giá của tư bản cho vay.

- *Tỷ suất lợi tức*

Tỷ suất lợi tức là tỷ lệ % giữa số lợi tức thu được với số tư bản tiền tệ cho vay trong một thời gian nhất định, thường là một năm (ký hiệu z').

Công thức tính: $z' = z/k_{cv} \times 100\%$

Tỷ suất lợi tức phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận bình quân, quan hệ cung cầu và những biến động của nền kinh tế.

Giới hạn của tỷ suất lợi tức: $0 < z' < p'_{BQ}$

c. Các hình thức vận động của tư bản cho vay

- Tín dụng - Credit

Tín dụng là một phạm trù kinh tế phản ánh mối quan hệ giữa chủ sở hữu tư bản cho vay với người sử dụng tư bản cho vay, trên nguyên tắc hoàn trả đúng kỳ hạn có kèm theo lợi tức.

Các loại tín dụng cơ bản trong chủ nghĩa tư bản:

+ Tín dụng thương mại là hình thức tín dụng giữa các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh, mua bán với nhau (*kỳ phiếu thương mại - Commercial paper*); giữa nhà tư bản với người tiêu dùng (*tín dụng tiêu dùng: mua hàng trả góp*).

+ Tín dụng ngân hàng là hình thức tín dụng giữa ngân hàng với các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh và các tầng lớp dân cư khác trong xã hội.

+ Tín dụng nhà nước (trái phiếu)

- Ngân hàng - Bank

+ Ngân hàng là doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, nó làm môi giới giữa người đi vay và người cho vay. Ngân hàng có hai chức năng cơ bản: *nhận gửi và cho vay*.

+ Nguồn tiền cho vay của ngân hàng là vốn tự có của ngân hàng, tư bản tạm thời nhàn rỗi của các nhà tư bản, tiết kiệm của dân chúng đem gửi.

+ Lợi nhuận ngân hàng là kết quả của lợi tức cho vay và thu từ những hoạt động khác trừ đi lợi tức nhận gửi và chi phí nghiệp vụ ngân hàng.

4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp và địa tô TBCN

a. Sự hình thành tư bản kinh doanh nông nghiệp (2 cách):

- Nhà tư bản thuê ruộng đất và lao động để tiến hành kinh doanh nông nghiệp.

- Một số địa chủ, thuê lao động để tự kinh doanh trên ruộng đất của mình (địa chủ tư sản hóa).

b. Địa tô TBCN

**/ Bản chất địa tô TBCN*

- Địa tô TBCN là phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp thu được, nộp cho chủ sở hữu mảnh đất mình canh tác. **Ký hiệu là: r**

- Nguồn gốc của địa tô TBCN chính là giá trị thặng dư do công nhân nông nghiệp tạo ra bị nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp chiếm đoạt, nộp cho chủ đất dưới hình thức địa tô.

**/ Các hình thức địa tô TBCN*

- Địa tô tuyệt đối

Địa tô tuyệt đối là khoản địa tô nhất thiết phải có khi nhà tư bản thuê đất để tiến hành kinh doanh, dù cho đó là đất tốt hay đất xấu.

Nguyên nhân:

+ Do cấu tạo hữu cơ trong nông nghiệp thấp hơn trong công nghiệp, nên kinh doanh trên đất xấu vẫn có lợi nhuận siêu ngạch.

+ Do chế độ độc quyền sở hữu ruộng đất trong nông nghiệp khiến cho lợi nhuận siêu ngạch trên đất xấu không phải tham gia bình quân hoá với các hình thái tư bản khác (tư bản công nghiệp, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay).

- Địa tô chênh lệch

Địa tô chênh lệch trong chủ nghĩa tư bản là khoản địa tô có được trên mảnh đất có điều kiện thuận lợi hơn so với mảnh đất có điều kiện xấu nhất.

Có 2 loại địa tô chênh lệch:

+ *Địa tô chênh lệch 1:* Là địa tô chênh lệch thu được trên cơ sở ruộng đất có độ màu mỡ tự nhiên và vị trí thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm.

+ *Địa tô chênh lệch 2:* Là địa tô chênh lệch thu được nhờ thâm canh tăng năng suất.

- Địa tô độc quyền

+ Địa tô độc quyền là địa tô thu được trên những ruộng đất có điều kiện thiên nhiên đặc biệt, có thể trồng những cây quý hiếm mà sản phẩm của nó có giá đặc biệt cao trên thị trường.

+ Địa tô độc quyền do người tiêu dùng trả khi mua hàng với giá cao.

Dưới chủ nghĩa tư bản, đất xây dựng, hầm mỏ cũng mang lại địa tô cho chủ nó vì chúng mang lại lợi nhuận siêu ngạch.

c. Giá cả ruộng đất

- Xét một cách thuần túy tự nhiên, đất đai không phải là hàng hoá, do đó, không có giá trị và tất nhiên không có giá cả. Tuy nhiên, trong chủ nghĩa tư bản, đất đai vẫn được bán như một hàng hoá, đó là một quan hệ kinh tế phát sinh đặc biệt, và đất đai là một hàng hoá đặc biệt.

- Giá cả ruộng đất được xác định bằng một số tiền để người bán, nếu gửi ngân hàng thì hằng năm sẽ có khoản thu nhập ngang với mức địa tô thu được trên mảnh đất đó.

Công thức tính giá cả ruộng đất:

$$G_{CRĐ} = \frac{R}{Z'}$$